TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30/09/2022
Về việc: "Xin ly hôn và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh và ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ánh H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn Phạm Thị Ánh Huyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:

Về quan hệ hôn nhân: Bà cùng Ông Nguyễn Hồng P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông vào ngày 06/12/2002, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà với ông P có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 18/10/2004, Nguyễn Hoàng Lê N, sinh ngày 05/10/2005 và cháu Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh ngày 22/6/2010.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có tài sản chung là thửa đất 155a, tờ bản đồ số 27, diện tích 5.070 m^2, đất tại Thôn Đ, xã Đ, huyện

Đ, tỉnh Đắk Nông, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 610253, cấp ngày 29/9/2008 đứng tên Hộ Ông Nguyễn Hồng P và Bà Phạm Thị Ánh H. Tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích khoảng 150m^2 và các cây trồng trên đất là cà phê và tiêu. Lô rẫy cà phê 12.000 m^2 tại Dốc đất, thuộc Thôn Đức Bình, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, rẫy này do bố mẹ chồng cho từ năm 2003 cho đến nay.

Về công nợ: Trong năm 2019 thì vợ chồng có vay của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt nam – Phòng giao dịch Đức Lập số tiền 150.000.000 đồng, đến ngày 12/5/2021 bà đã thanh toán cho ngân hàng 155.954.795 đồng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong cuộc sống hôn nhân bà với ông P không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cải nhau, ông P thường xuyên đánh đập bà, ông P thường xuyên bài bạc phải cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình, nhận thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, ngày 22/01/2021 bà ra sinh sống riêng cho đến nay. Do đó bà H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với Ông Nguyễn Hồng P; Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 18/10/2004, Nguyễn Hoàng Lê N, sinh ngày 05/10/2005 và cháu Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh ngày 22/6/2010 cho ông P nuôi dưỡng; Về tài sản chung và công nợ: yêu cầu được chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất 155, tờ bản đồ số 27, diện tích 5.070 m^2, đất tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 610253, cấp ngày 29/9/2008 đứng tên Hộ Ông Nguyễn Hồng P và Bà Phạm Thị Ánh H với diện tích là 900m^2 (chiều rộng 20m, dài 45m) để sinh sống, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bà H xác định thửa đất có giá trị 30.000.000 đồng/m, đất có bề ngang 59.23m tương ứng 1.777.000.000 đồng; phần diện tích bà H yêu cầu chia có giá trị 600.000.000 đồng. Về số tiền đã trả ngân hàng thì bà không yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ trả lại.

- Theo nội dung lời khai của bị đơn Ông Nguyễn Hồng P trong quá trình giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Ông P trình bày như bà H; Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo ông P vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, lúc đó vợ ông có mối quan hệ bất chính với bên ngoài, vì công việc kiếm sống mà thường xuyên đi làm xa để nuôi gia đình, con cái nên vợ ở nhà thường xuyên đi đêm và bỏ 03 đứa con nhỏ ở nhà. Từ tháng 01/2021 thì vợ bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, nay vợ ông làm đơn ly hôn thì ông không đồng ý vì ông là người Công giáo.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có tài sản chung là thửa đất 155, tờ bản đồ số 27, diện tích 5.070 m^2, đất tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 610253, cấp ngày 29/9/2008 đứng tên hộ Ông Nguyễn Hồng P và Bà Phạm Thị

Ánh H. Tài sản trên đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích khoảng 150m^2 và các cây trồng trên đất là cà phê và tiêu. Ông đồng ý ly hôn với bà H và chia cho bà H khoảng 10m đến 15m đất vì bà H không đóng góp gì nhiều trong gia đình. Còn riêng lô rẫy cà phê 12.000 m^2 tại Dốc đất, thuộc Thôn Đức Bình, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, là tài sản riêng của ông do cha, mẹ cho chứ không phải của chung vợ chồng.

Về công nợ: Trong năm 2019 thì vợ chồng có vay của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt nam – Phòng giao dịch Đức Lập số tiền 150.000.000 đồng, đến ngày 12/5/2021 đã thanh toán cho ngân hàng 155.954.795 đồng, khi ông đến trả thì bà H đã thanh toán xong và hiện đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp bà H và ông P ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 18/10/2004, Nguyễn Hoàng Lê N, sinh ngày 05/10/2005 và cháu Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh ngày 22/6/2010 và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì thửa đất 155a, tờ bản đồ số 27, diện tích 5.070 m^2, đất tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có diện tích thực tế là 4.238,6 m^2 (Theo mãnh trích đo ngày 17/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Mil).

- Theo kết quả định giá tài sản thì diện tích thực tế là 4.238,6 m^2 và các tài sản trên đất (Theo chứng thư định giá tài sản ngày 28/9/2022) có giá trị là 2.601.233.000 đồng, trong đó: đất có giá trị là 1.754.532.000 đồng; tài sản trên đất có giá trị là 846.700.736 đồng).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định tại theo quy định tại Điều 27, Điều 37, Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ánh H được ly hôn với Ông Nguyễn Hồng P; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 18/10/2004, Nguyễn Hoàng Lê N, sinh ngày 05/10/2005, Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh ngày 22/6/2010 cho ông P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết; Về công nợ: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: Chia cho Bà Phạm Thị Ánh H được quản lý và sử dụng phần diện tích 900m^2 đất trồng cây hàng năm thuộc thửa đất số 155a, tờ bản đồ số 27 tại thôn

Đức Sơn, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN610253 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 29/9/2008. Chia cho ông Nguyễn Hồng P được quản lý và sử dụng phần diện tích 3.238,6m^2 đất trồng cây hàng năm và toàn bộ cây trồng, vật kiến trúc trên đất thuộc thửa đất số 155a, tờ bản đồ số 27 tại thôn Đức Sơn, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN610253 do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 29/9/2008.

Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị buộc bà H phải chịu án phí dân sự về ly hôn là 300.000 đồng và buộc bà H, ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản: Tại phiên tòa bà H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn Ông Nguyễn Hồng P có địa chỉ tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do đó việc Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị Ánh H và Ông Nguyễn Hồng P có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2002 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Trong thời gian chung sống bà H, ông P có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 18/10/2004, Nguyễn Hoàng Lê N, sinh ngày 05/10/2005 và cháu Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh ngày 22/6/2010. Thời gian chung sống bà H, ông P hay bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bà H, ông P đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị Ánh H:

- *Về hôn nhân:* Bà Phạm Thị Ánh H và Ông Nguyễn Hồng P có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2002 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc với nhau, về sau thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay xảy ra cải nhau, bà H, ông P đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Trong quá trình lấy lời khai bà H thừa nhận không còn tình cảm với ông P và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Xét thấy ông P, bà H đã sống ly thân với nhau, điều đó thể hiện quan hệ hôn nhân giữa ông P, bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy để giải quyết cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ly hôn giữa Ông Nguyễn Hồng P và Bà Phạm Thị Ánh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Quá trình giải quyết vụ án bà H đồng ý giao có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 18/10/2004, Nguyễn Hoàng Lê N, sinh ngày 05/10/2005 và cháu Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh ngày 22/6/2010 cho ông P được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành, Nguyện vọng của các cháu xin được ở cùng bố. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 03 cháu cho ông P nuôi là phù hợp.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H và ông P đều xác định vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN610253 đối với thửa đất số 155a, tờ bản đồ số 27, diện tích 5070m^2 đất trồng cây hàng năm tại thôn Đức Sơn, xã Đức Mạnh do UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 29/9/2008 cho hộ Ông Nguyễn Hồng P, vợ Phạm Thị Ánh Huyền nên có căn cứ xác định đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông P, bà H.

Căn cứ khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về nguyên tắc chia tài sản như sau: *"2. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây: a) Hoàn cảnh của gia đình của vợ, chồng; b) Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập..."*. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu được chia một phần diện tích thửa đất số 155a là 900m^2 có tứ cận như sau: phía đông giáp phần còn lại của thửa đất số 155a cạnh dài 20, phía tây giáp đường bê tông cạnh dài 20m, phía nam giáp phần còn lại của thửa đất số 155a cạnh dài 45m, phía bắc giáp đường đất cạnh dài 45m; không có yêu cầu đối với phần tài sản trên đất. Mặt khác, theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 1 Quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất; điều kiện tách thửa đất, hợp nhất thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông) thì trường hợp tách thửa để thực hiện theo bản án hoặc quyết định của Toà án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật thì không áp dụng quy định về diện tích tối thiểu khi tách thửa đối với đất nông nghiệp. Do đó, việc bà H yêu cầu được chia một phần diện tích thửa đất số 155a bằng hiện vật là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu của bị đơn Ông Nguyễn Hồng P về quan hệ hôn nhân không đồng ý ly hôn với Bà Phạm Thị Ánh H: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông P thừa nhận giữa ông với bà H có phát sinh mâu thuẫn vì bà H có người đàn ông khác ở bên ngoài, ông P, bà H đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay, ông P thừa nhận không còn tình cảm gì với bà H, ông không

đồng ý ly hôn với bà H vì lý do ông là người công giáo, ông chỉ đồng ý ly hôn với bà H khi hai bên thỏa thuận được tài sản là chia cho bà H từ 10 đến 15m đất vì bà H từ trước giờ không đóng góp gì nhiều cho gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông P, bà H đã đến mức trầm trọng, ông P, bà H đã sống ly thân với nhau từ lâu, điều này thể hiện cuộc sống hôn nhân giữa hai người không còn đạt được mục đích, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị đơn Ông Nguyễn Hồng P.

[3]. Về án phí: Bà Phạm Thị Ánh H và Ông Nguyễn Hồng P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đối với phần diện tích đất bà H yêu cầu chia là 900m^2 có giá trị 372.600.000 đồng và cây trồng trên đất có giá trị 54.776.000 đồng (90 cây cà phê, 04 cây Bơ Both và 20 trụ tiêu). Tổng giá trị tài sản là 427.376.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.095.040 đồng.

- Đối với phần diện tích đất ông P được chia là 3.338,6m^2 có giá trị 1.381.932.000 đồng và cây trồng trên đất có giá trị 791.924.736 đồng (nhà, cây trồng trên đất). Tổng giá trị tài sản là 2.173.856.736 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 75.477.134 đồng.

[4]. về chi phí tố tụng: Tổng số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 19.000.000 đồng (trong đó, tiền xem xét thẩm định là 4.182.000 đồng và định giá tài sản là 14.818.000 đồng) bà H đã nộp tại Tòa án, bà H không yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 38, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Phạm Thị Ánh H về việc xin ly hôn với Ông Nguyễn Hồng P.

2. Về con chung: Giao 03 cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 18/10/2004; Nguyễn Hoàng Lê N, sinh ngày 05/10/2005; cháu Nguyễn Hoàng Thanh T, sinh ngày 22/6/2010 cho Ông Nguyễn Hồng P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Bà H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, ông P không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của

cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Hồng P không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về tài sản chung:

- Chia cho Bà Phạm Thị Ánh H 900m^2 có tứ cận: Phía Đông giáp phần còn lại của thửa đất số 155a cạnh dài 20, Phía Tây giáp đường bê tông cạnh dài 20m, Phía Nam giáp phần còn lại của thửa đất số 155a cạnh dài 45m, Phía Bắc giáp đường đất cạnh dài 45m và các cây trồng trên đất thuộc của thửa đất 155, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.238,6 m^2, đất tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 610253, cấp ngày 29/9/2008 đứng tên Hộ Ông Nguyễn Hồng P và Bà Phạm Thị Ánh H.

- Chia cho Ông Nguyễn Hồng P 3.338,6 m^2 phần diện tích còn lại của thửa đất 155a, tờ bản đồ số 27, đất tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 610253, cấp ngày 29/9/2008 đứng tên Hộ Ông Nguyễn Hồng P và Bà Phạm Thị Ánh H và tất cả các tài sản trên đất.

5. Về thời hạn thi hành: Theo trình tự thi hành án dân sự.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil thu hồi, điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử đất đối với thửa đất 155a, tờ bản đồ số 27, diện tích 5.070 m^2, đất tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 610253, cấp ngày 29/9/2008 đứng tên Hộ Ông Nguyễn Hồng P và Bà Phạm Thị Ánh H sang tên cho Ông Nguyễn Hồng P và Bà Phạm Thị Ánh H đối với phần diện tích được chia khi các đương sự có đơn yêu cầu theo đúng diện tích đất thực tế sử dụng hiện nay là 4.238,6 m^2.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc Bà Phạm Thị Ánh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 21.095.040 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000540, ngày 25/10/2021 và 5.000.000 đồng theo biên lai số 0000585, ngày 25/11/2021tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil. Bà Phạm Thị Ánh H còn phải nộp 16.095.040đ (Mười sáu triệu không trăm chín lăm nghìn không trăm bốn mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc Ông Nguyễn Hồng P phải nộp 75.477.134đ (Bảy lăm triệu bốn trăm bảy bảy nghìn một trăm ba bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc Bà Phạm Thị Ánh H phải nộp 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) tiền chi phí tố tụng, được khấu trừ số tiền 19.000.000 đồng bà H đã nộp tại Tòa án.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện ĐắkMil;*
- *Chi cục THA dân sự huyện ĐắkMil;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Đình Minh